TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HS-ST
Ngày 29-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Bé
Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo: **Thạch Hoàng Ph**, sinh năm 1995 tại huyện T, tỉnh T. Nơi cư trú ấp Bà E, xã Phú C, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá: 04/12; Dân tộc: khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thạch H, sinh năm 1964 và bà Thạch Thị Th, sinh năm 1965; Vợ: Thạch Thị Mỹ H, sinh năm 2000; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 24/6/2021 đến ngày 27/6/2021 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Tấn B, sinh năm 2001 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Xóm V, xã Phú C, huyện T, tỉnh T
Hiện đang giam tại trại tạm giam Công an tỉnh T

2. Anh Cao Văn Ch, sinh năm 1992 (Vắng mặt không có lý do)
Địa chỉ: ấp Bà E, xã Phú C, huyện T, tỉnh T

- *Người phiên dịch*: Anh Huỳnh Văn T - Ngụ kh, thị trấn T, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 07/02/2021, bị cáo Thạch Hoàng Ph, gọi điện thoại rủ Nguyễn Tấn B, sinh ngày 25/5/2001 đi uống cà phê, khoảng 30 phút sau thì Nguyễn Tấn B điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, kiểu Ecxiter, màu xanh-bạc, biển số 84H1-273.42 (xe của anh ruột B tên Nguyễn Tấn T, sinh năm 1994, ngụ ấp Xóm V, xã Phú C) chở bị cáo Ph đi đến khu vực Quảng trường Tiểu C thuộc kh, thị trấn T, huyện T chơi. Lúc này bị cáo Ph rủ B cùng đi lên thành phố T với mục đích là mua ma túy đem về để sử dụng, B đồng ý. Sau đó B và bị cáo Ph cùng hùn tiền lại tổng cộng 500.000 đồng (B hùn 200.000 đồng, bị cáo Ph hùn 300.000 đồng), sau đó Nguyễn Tấn B sử dụng điện thoại di động hiệu OPPO A53, màu xanh đen, màn hình cảm ứng, số thuê bao 0828484285 nhắn tin qua mạng xã hội Facebook cho người tên Th khoảng 30 tuổi ngụ thành phố T (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) để hỏi mua ma túy, B hỏi Th "còn đồ không, em lấy 500.000 đồng", Th trả lời "còn, lên đi". Lúc này B nói tiếp "để em lên tới cầu Long B 2, thành phố T em sẽ gọi cho anh". Sau khi nhắn tin hỏi mua được ma túy đá của Th xong, bị cáo Ph hỏi B "có chưa", B trả lời "có rồi", bị cáo Ph nói tiếp "vậy thì đi".

Sau đó Nguyễn Tấn B điều khiển xe mô tô biển số 84H1-273.42 chở bị cáo Ph đi lên thành phố T nhưng khi đi đến Cửa hàng xăng dầu Phú C thuộc ấp Cây H, xã Phú c, huyện T thì B ghé vào đổ xăng, trong lúc đang đỗ xăng thì bị cáo Ph lấy tiền ra 300.000 đồng đưa cho B cất giữ (là số tiền Ph hùn với B để mua ma túy đá). Sau khi đổ xăng xong B tiếp tục chở bị cáo Ph lên thành phố T và khi cả hai đến Cầu Long B 2, thành phố T thì B tiếp tục gọi cho Th và nói "em lên tới rồi, anh còn cái nỏ không chia cho em một cái luôn", Th nói "chờ chút, anh đang chạy xe, để anh xem lại nếu còn cái nỏ anh chia cho em mầy một cái" và Th kêu B chạy xe qua cầu Long B 2 rẽ trái một đoạn sẽ gặp Th nên B đồng ý, B chở bị cáo Ph đi được một đoạn khoảng 100 mét thuộc kh, ph, thành phố T thì dừng xe lại đợi Th. Lát sau Th điều khiển xe Raider, màu xanh (không rõ biển số), khi gặp B Th đưa cho B một cái khẩu trang y tế màu xanh, bên trong khẩu trang y tế có 01 tép ma túy đá và một nỏ thủy tinh (dụng cụ sử dụng ma túy đá), sau khi mua được ma túy đá thì B cất dấu vào túi quần Jean màu xanh –đen, túi phía sau, bên trái đang mặc. Sau đó, B chở bị cáo Ph về nhưng khi đến bụi cây vắng người thì B và bị cáo Ph dừng lại để sử dụng ma túy đá vừa mua được, lúc đó do trời tối không thấy đường nên B lấy điện thoại mở đèn Led phát ánh sáng, B kêu bị cáo Ph cầm điện thoại cho B mở khẩu trang y tế để lấy ma túy ra, khi đó B và Ph đều nhìn thấy bên trong khẩu trang y tế có một tép ma túy đá được đựng bằng túi zip màu trong suốt, khóa kín và một nỏ thủy tinh, bên trong nỏ thủy tinh còn một ít ma túy đá nên B và bị cáo Ph cùng sử dụng hết, còn tép ma túy đá mà B và bị cáo Ph vừa mua được của Th thì B và bị cáo Ph chưa sử dụng nên B tiếp tục cất giữ để đem về nhà cùng sử dụng với bị cáo Ph.

Khi sử dụng ma túy đá còn dư ở trong nỏ xong thì B tiếp tục điều khiển xe mô tô trên chở Ph đi về huyện T, trên đường đi bị cáo Ph kêu B chạy qua chòi của bà Trần Thị Ch, sinh năm 1941 ngụ ấp Bà E, xã Phú C, huyện T với mục đích là B và Ph cùng sử dụng ma túy đá. Khi về đến chòi của bà Ch thì B ở trong chòi, còn Ph đi ra phía sau, lúc này B phát hiện có lực lượng Công an nên B lo sợ và trốn ra phía sau chòi, cách chòi khoảng 15 mét và B ngồi trên bờ mương nước. Khi lực lượng Công an phát hiện B và yêu cầu B đứng dậy để kiểm tra thì B liền lén để túi zip có đựng ma túy đá và "cái nỏ" (dụng cụ sử dụng ma túy đá) được quấn bằng khẩu trang y tế màu xanh để trên mặt đất chỗ vị trí B trốn. Sau đó lực lượng Công an phát hiện và lập biên bản quả tang đối với Nguyễn Tấn B về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị cáo Ph cũng thừa nhận "khẩu trang y tế, màu xanh quấn trong đó một tép ma túy đá và một nỏ thủy tinh" bị lực lượng Công an thu giữ là của bị cáo Ph và B vừa mua được từ người đàn ông mà B quen biết ở thành phố T.

Tại kết luận số 83/KLGĐ ngày 10/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, kết luận: Tinh thể rắn trong suốt chứa trong 01 (một) túi nylon (túi zip) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng **là 0,3058 gam**

Ngày 16/3/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định khởi tố bị cáo Thạch Hoàng Ph về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng sau đó không tống đạt được Quyết định khởi tố cho bị cáo Ph do bị cáo Ph không có mặt ở địa phương, đi đâu, làm gì không rõ nên ngày 20/4/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Tiểu Cần ra Quyết định truy nã bị cáo Ph về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án hình sự.

Đến ngày 24/6/2021 bị cáo Thạch Hoàng Ph biết bản thân đang bị truy nã và thấy ăn năn, hối lỗi đối với hành vi phạm tội mà Ph đã thực hiện nên bị cáo Thạch Hoàng Ph đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Tiểu Cần để Đầu thú và bị cáo Ph đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Qua làm việc, bị cáo Thạch Hoàng Ph đã thừa nhận gói ma túy mà cơ quan Công an thu giữ, chính là gói ma túy đá của bị cáo cùng đi mua với Nguyễn Tấn B nhằm mục đích sử dụng.

Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ gồm có:

+ 01 (Một) túi zíp màu trong suốt, được khóa kín, bên trong chứa nhiều hạt tinh thể rắn trong suốt nghi là ma túy đá, được niêm phong (ký hiệu 01);

+ 01 (Một) dụng cụ sử dụng ma túy đá,

+ 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh;

+ Tiền Việt Nam 100.000 đồng;

+ 01 (Một) xe mô tô, hiệu Yamaha, kiểu Exciter 150, màu xanh- bạc, biển số 84H1-273.42;

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A53 màn hình cảm ứng, màu xanh-đen, gắn sim số 0828484285;

+ 01 (Một) bật lửa màu trắng.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKS-HS ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T đã truy tố bị cáo Thạch Hoàng Ph về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu, sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với bị cáo như sau:

Về trách nhiệm hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Thạch Hoàng Ph phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và xử phạt bị cáo từ 01 (một) đến 02 (hai) năm tù thời hạn tù được tính kể từ ngày 24/6/2021.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng .

Về xử lý vật chứng: Tất cả vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ nêu trên đã được xử lý tại Bản án số 30/2021/HS-ST, ngày 01/7/2021của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Thạch Hoàng Ph phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng tên Th có hành vi bán ma túy cho bị cáo, cơ quan Công an chưa xác định được lai lịch và địa chỉ cụ thể nên chưa đủ cơ sở để xử lý. Do đó, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, nếu đủ cơ sở xử lý sau.

Đối với bà Trần Thị Ch, bà Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Tấn T khi bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy thì bà Ch, bà H, anh T không biết nên không xem xét xử lý.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên những người làm chứng này đã có lời khai rõ ràng tại cơ quan điều tra nên căn cứ vào Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Tại chòi của bà Trần Thị Ch, sinh năm 1941 thuộc ấp Bà E, xã Phú C, huyện T, tỉnh T, Thạch Hoàng Ph cùng với B có hành vi cất giấu trái phép 0.3058 gam là ma túy, loại methamphetamine với mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang. Bị cáo Ph là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật, song vẫn cố ý thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, như quyết định truy tố của VKSND huyện Tiểu Cần là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma tuý mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Mặc dù nhận thức được ma tuý không chỉ gây tác hại rất lớn về sức khỏe cho chính người sử dụng mà còn làm ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của các thế hệ sau này, là gánh nặng cho gia đình, xã hội và là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác, nhưng vì mục đích sử dụng cho bản thân để thoả mãn cơn nghiện và ý thức coi thường pháp luật, bị cáo vẫn tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, điều kiện nhân thân của bị cáo, thấy rằng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng, tuy nhiên ngày 16/3/2021 sau khi cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra quyết định khởi tố bị cáo về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú thì bị cáo không có mặt tại địa phương đi đâu làm gì không rõ, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh T ra quyết định truy nã đối với bị cáo. Hành vi bỏ trốn của bị cáo đã xâm phạm hoạt động tư pháp, gây cản trở, ảnh hưởng hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Tòa án cũng xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đó là: sau khi biết được bản thân đang bị truy nã bị cáo thấy ăn năn hối cải nên đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51của Bộ luật Hình sự để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6]. Về xử lý vật chứng: Các vật chứng, đồ vật, tài liệu gồm: 01 (Một) túi zíp màu trong suốt, được khóa kín, bên trong chứa nhiều hạt tinh thể rắn trong suốt nghi là ma túy đá, được niêm phong (ký hiệu 01); 01 (Một) dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh; Tiền Việt Nam 100.000 đồng; 01 (Một) xe mô tô, hiệu Yamaha, kiểu Exciter 150, màu xanh- bạc, biển số 84H1-273.42; 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A53 màn hình cảm ứng, màu xanh-đen, gắn sim số 0828484285; 01 (Một) bật lửa màu trắng đã được xử lý tại Bản án số 30/2021/HS-ST, ngày 01/7/2021của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[7]. Đối với đối tượng tên Thành có hành vi bán ma túy cho bị cáo, cơ quan Công an chưa xác định được lai lịch và địa chỉ cụ thể nên chưa đủ cơ sở để xử lý. Do đó, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, nếu đủ cơ sở xử lý sau.

[8]. Đối với bà Trần Thị Ch, bà Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Tấn T khi bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy thì bà Ch, bà H, anh T không biết nên không xem xét xử lý.

[9]. Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10]. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, đều đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Thạch Hoàng Ph phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Thạch Hoàng Ph 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2021.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về vật chứng của vụ án: đã được xử lý tại bản án số số 30/2021/HS-ST, ngày 01/7/2021của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh nên Hội dòng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Thạch Hoàng Ph phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 , 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Phú Cần;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thị Thu Hiền

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:</u>

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi

ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)